

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2/8/2018 轮次 Round: 1 台次 Board: 1
 白方 White Peng Shunlai 国籍 Federation China 等级分 Rating 2390
 黑方 Black Tantipura 国籍 Federation Thailand 等级分 Rating _____

组别 Group
V18

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4 g0	c5 g0
2	Nc3 g1	Nc6 g1
3	Nf3 g1	e5 g1
4	Bc4 g1	Bc7 g8
5	d3 g1	d6 g5
6	a3 g8	Nf6 g4
7	Bg5 g3	O-O g2
8	h3 g0	Ne8 g1
9	Bd2 g4	Nc7 g6
10	Qb1 g3	Kh8 g2
11	Nd5 g0	Nd4 g0
12	Nxd4 g1	Cxd4 g7
13	c3 g3	Nxd5 g1
14	Bxd5 g3	Bg5 g0
15	Qc1 g1	Bxd2+ g6
16	Qxd2 g1	Be6 g0
17	Bxe6 g6	fxe6 g0
18	Cxd4 g7	exd4 g0
19	O-O g7	Rc8 g8
20	Ra1 g5	Qb6 g6
21	f4 g3	Rc5 g1
22	Kh1 g1	Rf8 =g3
23	exf5 f5	exf5 g6
24	exf5 g6	Qb6 g2
25	Rc1 g3	Rc2 g0
26	Qg5 g3	Qd5 g1
27	Rg7 g1	Rg8 g1
28	Rf4 g1	Rc5 g1
29	b4 g1	O-O g7
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>PSK</u>	黑方 Black <u>Choochao</u>
裁判 Arbiter <u>J</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 18/8/11 轮次 Round: 1 台次 Board: 1
 白方 White Peng Shun kai 国籍 Federation chn 等级分 Rating 2388
 黑方 Black Tantipura 国籍 Federation THA 等级分 Rating 1930

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4 90	c5 90
2	Nc3 91	Nc6 91
3	Nf3 91	e5 89
4	Bc4 91	Bc7 88
5	d3 89	d6 85
6	a3 88	Nf6 84
7	Bg5 83	00 82
8	b3 80	Nes 79
9	Bd2 64	Nc7 76
10	Ob1 63	Kh8 62
11	Nd5 60	Nd4 50
12	Nd4 49	ca 47
13	c3 33	Nd5 41
14	Bd5 33	Bg5 40
15	Qc1 31	Bd2 36
16	Qd2 31	Beb 30
17	Beb 26	fe 30
18	ca 27	ea 30
19	00 27	Rc8 28
20	Rac1 25	Ob6 26
21	f4 23	Rc5 24
22	Kh1 21	Rf8 23
23	f5 20	ef 16
24	ef 16	Qcb 12
25	Rccl 13	Rc2 10
26	Qd5 13	Qd5 9
27	Re1 11	Rg8 9
28	Rf4 10	Rc5 7
29	b4 10	
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>PSK</u>	黑方 Black <u>Chochos</u>
------------------------	----------------------------

裁判 Arbiter

J



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 1 台次 Board: 2
 白方 White 翁嘉谦 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____
 黑方 Black 李书白 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	N4	d5
2	Nf3	Nf6
3	B3	e5
4	B7	cd
5	e2	Bb
6	d4	B7
7	e4	d4
8	N3	Nd4
9	e3	e2
10	Nc4	Qd7
11	Qe2	Rd8
12	b3	Nc7
13	Nc4	Qd7
14	R2	Qd5
15	Rxc4	Nc7
16	Rxc4	Rc8
17	B7	Kk4
18	Rc8	Kc8
19	a3	Nd4
20	b4	eb6
21	Rd1	e6
22	Rd2	Nc3
23	Qd3	Bd4
24	Qd4	Qd4
25	e4	Nd4
26	Qe2	Nd2
27	Nd2	Rc3
28	a4	Rc4
29	a5	Rd4
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter

--



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 1 台次 Board: 2

组别 Group

白方 White Eng Jia Qian 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

V15 D

黑方 Black 李翰 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	d5
2	Nf3	Nf6
3	g3	c5
4	Bg2	xd4
5	o-o	g6
6	Nxd4	Bg7
7	c4	dx4
8	Ng3	Ng4
9	e3	o-o
10	Nxc4	Qc7
11	Qe2	Rd5
12	b3	Nc5
13	Nxc5	Qxc5
14	Bb2	Qc5
15	Rf1	Na6
16	Rxc8	Raxc8
17	Bxb7	Nb4
18	Rxc8	Rxc8
19	a3	Ne4
20	b4	Qb6
21	Rd1	e6
22	Rd2	Nc3
23	Qd3	Bb4
24	Qxd4	exd4
25	Nc4	Nc4
26	Kg2	nxb2
27	Rxb2	Rc3
28	Qd3	Rc4
29	g5	Rxd4
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 3

白方 White Chen Qi 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Wang Ze 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nf6
3	Ne5	d6
4	Nf3	Ne4
5	d4	d5
6	Bd3	Be7
7	O-O	Nc6
8	Nbd2	Nd2
9	Bd2	Bg4
10	c3	O-O
11	h3	Bh5
12	g3	f5
13	kg2	Qd7
14	Qc2	Bf3
15	Kf3	Rae8
16	kg2	g6
17	Rae1	Bf6
18	Qb3	Na8
19	h4	h5
20	Qa4	c6
21	Qd1	Nf7
22	Bf4	g6
23	Qb3	Kg7
24	Qb6	Bd8
25	Qa7	Qc8
26	c4	dc
27	Bc4	Bf6
28	d5	b5
29	ab	ab
30	Re8	Qe8

	White	Black
31	Bb3	Qe4
32	kg1	cd
33	Qd7	Rd8
34	Qb5	Bb2
35	Bc7	Rc8
36	Bd5	Qd4
37	Bb6	Qf6
38	Bf7	Rb8
39	Be6	Be5
40	Qd7	Kh6
41	Bc5	f4
42	Be7	Qg7
43	Bg5	Kh7
44	Qg7	Kg7
45	f4	Bd4
46	Rd1	Rb4
47	pe7	Ra4
48	Bd7	Ra1
49	Ra1	Ba1
50	kg2	Kf7
51	Bg5	Bd4
52	f5	g6
53	Bf5	Be5
54	f4	Bd6
55	Kf3	kg7
56	ke4	Bc7
57	Bd7	Kf7
58	f5	Ba5
59	f6	Bc3
60	Kf5	Bb2

	White	Black
61	Be6	Ke8
62	f7	Kf8
63	Bh6	Bg7
64	Bg7	Kg7
65	Ba2	Kf8
66	Ke6	Kg7
67	Ke7	Kg6
68	Bb1	
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Chen Qi	Wang Ze
裁判 Arbiter	
E-	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 3

白方 White Chen Qi 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Wang Ze 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group

U18

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nf6
3	Nes	d6
4	Nf3	Ne4
5	d4	d5
6	Bd3	Be7
7	o-o	Nc6
8	Nbd2 Nd2	Nd2
9	Bd2	Bg4
10	c3	o-o
11	h3	Bh5
12	g3	f5
13	Kg2	Qd7
14	Qc2	Bf3
15	Kf3	Rae8
16	Kg2	g6
17	Rae1	Bf6
18	Ab3	Nd8
19	h4	h5
20	a4	rb
21	Qd1	Nf7
22	Bf4	ab
23	ab3	Kg7
24	Qb6	Bd8
25	Qa7	Qc8
26	rf	dc
27	Bc4	Bf6
28	d5	b5
29	ab	ab
30	Re8	Qe6

	White	Black
31	Bb3	Qe4
32	Kg1	rd
33	Qd7	Qd4
34	Qb5	Rb2
35	Bc7	Rc8
36	Qd5	Qd4
37	Bb6	Qf6
38	Bf7	Rb8
39	Beb	Bes
40	Qd7	Kh6
41	Bc5	ff
42	Bb7	Qg7
43	Bg5	kh7
44	Qg7	Kg7
45	gf	Bd4
46	Rd1	Rb4
47	Be7	Ra4
48	Bd7	Ra1
49	Ra1	Ba1
50	Kg2	Kf7
51	Bg5	Qd4
52	f5	gf
53	Bf5	Bes
54	f4	Bd6
55	Kf3	Kg7
56	Ke4	Bc7
57	Bd7	Kf7
58	f5	Ba5
59	f6	Dc3
60	Kf5	Bb2

	White	Black
61	Beb	Ke8
62	f7	Kf8
63	Bh6	Bg7
64	Bg7	kg7
65	Ba2	Kf9
66	Ke6	Kg7
67	Ke7	Kg6
68	Bb1	
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Chen Qi	Wang Ze

裁判 Arbiter

[Handwritten signature]



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 4 组别 Group: U18
 白方 White: Wang Feng-hao 国籍 Federation: TPE 等级分 Rating: 1803
 黑方 Black: Xu Zhong 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: 2292
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c5	31	Bc4	Nc8	61		
2	Nf3	nc6	32	Qb3	Qd4	62		
3	Bb5	f6	33	Bc6	Rc7	63		
4	o-o	d9	34	Rf7	Rf7	64		
5	cb	Nf6	35	Kf2	Ne7	65		
6	Re1	o-o	36	Re7	Qf2	66		
7	d4	cd	37	Qc4	Rd2	67		
8	cd	ab	38	Rg1	Rd4	68		
9	Bd3	Nb6	39	Qe6	Qf4	69		
10	Rf1	d5	40	Kh1	Kf8	70		
11	et	Ne4	41	Rb7	Qf5	71		
12	ab	Nf6	42	Qab	Qe5	72		
13	Bd3	Bf5	43	a4	g7	73		
14	Nc3	Nc3	44	Qd7	Rd5	74		
15	b2	Bg4	45	Rd1	Rd5	75		
16	h3	Bf3	46	Qb4	Ra4	76		
17	Qf3	Qe5	47	Qd8	Raf4	77		
18	Bb2	eb	48	Rg1	Rf1	78		
19	Qe2	Bh4	49	Qb2	Rg4	79		
20	Bc4	Bc4	50	Kg1	Nf5	80		
21	Re4	Rac8	51	Rf7	Kf7			
22	Qb2	Rc7	52	Qb7	Qe7			
23	cl	Rd8	53	Qd5	Kf7			
24	Bf2	d4	54	Qb3	Qe7			
25	Rc4	Rcd7	55					
26	Rd5	Qd7	56					
27	Rc1	Qe5	57					
28	Qb4	nd4	58					
29	Rf1	nc6	59					
30	J4	Ne7	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
<u>Wenbert</u>	<u>Xu Zhong</u>
裁判 Arbiter	
<u>王</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 1 台次 Board: 4

白方 White wang Ting - hao 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Xu zhihang 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c5
2	Nf3	Ncb
3	Bb5	g6
4	O-O	Bg7
5	c3	Nf6
6	Re1	O-O
7	d4	cd
8	cd	ab
9	Bd3	Nb4
10	Bf1	d5
11	e5	Ne4
12	a3	Ncb
13	Bd3	Bf5
14	Nc3	Nxc3
15	bc	Bg4
16	h3	Bxf3
17	Qxf3	Qa5
18	Bb2	eb
19	Qe2	Bhb
20	Bc1	Bxc1
21	Rexc1	Rac8
22	Qb2	Rc7
23	G ca	R Rd8
24	Be2	dc
25	Rxc4	Rcd7
26	Rc5	Qc7
27	Rac1	Qb8
28	Qbb	Nxd4
29	Bf1	Ncb
30	f4	Nc7

	White	Black
31	Bc4	Nc8
32	Qb3	Qa7
33	Bxe6	Rc7
34	Bxf7	Rxf7
35	Kh2	Nd7
36	Rc7	Qf2
37	Qc4	Rd2
38	Rg7	Kd4
39	Qeb	Qxf4
40	Kh1	Kf8
41	Rxb7	Qf8
42	axab	axe5
43	a4	Kg7
44	Qa7	Rd5
45	Rc1	Rag
46	Qbb	Rxa5
47	Qd8	Rf4
48	Rg1	Rf1
49	Qbb	Rxg1
50	Kxg1	Nf5
51	R xf7	K xf7
52	Qb7	Qe7
53	Qd5+	Kg7
54	Qb3	Qe3
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Herbert</u>	黑方 Black <u>Xuzhihang</u>
裁判 Arbiter <u>J.</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: _____ 轮次 Round: 1 台次 Board: 5
 白方 White Wan Maxwell 国籍 Federation INA 等级分 Rating 2221
 黑方 Black Yeoh Yuan Hui 国籍 Federation MAS 等级分 Rating _____

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	c6	31	g6	NxL3	61		
2	d4	d5	32	g7	Rg7	62		
3	Nc3	dxe4	33	Rc1	Kc7	63		
4	Nxe4	Bf5	34	Rrs7	N.f4	64		
5	Ng3	Bg6	35	Rc7		65		
6	h4	h6	36			66		
7	Nf3	Nd7	37			67		
8	h5	Bh7	38			68		
9	Bd3	Bxd3	39			69		
10	Qxd3	e6	40			70		
11	Bf4	Qa5+	41			71		
12	Bd2	Bb4	42			72		
13	Ne4	Ngh6	43			73		
14	Nb6+	Ke7	44			74		
15	Nc4	Bxd2	45			75		
16	Nfxd2	Qa6	46			76		
17	g4	Rhc8	47			77		
18	Qb3	Kf8	48			78		
19	0-0	C5	49			79		
20	dxc5	Rxc5	50			80		
21	b4	Ne4	51					
22	Qe3	Rxc4	52					
23	Nxc4	Qc6	53					
24	b5	Qd5	54					
25	Ne3	Qxd3	55					
26	Qcx63	Nef6	56					
27	Rfc1	g6	57					
28	h5	gxh5	58					
29	Rch5	Nvq5	59					
30	Rc7	Ne5	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: Apr 2nd 2016 轮次 Round: 1 台次 Board: 5
 白方 White Van Maxmillian 国籍 Federation INA 等级分 Rating 2221
 黑方 Black Yeh Yuan Hui 国籍 Federation Mas 等级分 Rating _____

组别 Group U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	c4	c6
2	d4	d5
3	Nc3	d4
4	Nf3	Bf4
5	Ng3	Bg6
6	Nh4	h6
7	Nf3	Nf7
8	h4	Kh7
9	Bd3	Rd3
10	d4	e6
11	Nf4	Qe7
12	Bd2	Bb7
13	Ng4	Nf6
14	g4	Ne7
15	Ng4	Be6
16	Nd2	Qd6
17	g4	Phd3
18	Qe2	Uf1
19	O-O	Qf1
20	d5	Rf8
21	h4	Ng4
22	d4	Rc8
23	Nc4	Qd6
24	h5	Qd4
25	Ne3	Qd3
26	cd3	Nf6
27	h4	h6
28	g5	h4
29	h4	h4
30	Rc7	Nex

	White	Black
31	b6	Nd3
32	b7	Rd3
33	Rc4	Ne7
34	Rd3	Nf4
35	Rc4	
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2019.08.02 轮次 Round: 1 台次 Board: 6

白方 White 王逸成 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____

黑方 Black Gorid magrai 国籍 Federation MGL 等级分 Rating _____

组别 Group U18

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	c4	Nf6
2		Nc3 g6
3	g3	Bg7
4		Bg2 0-0
5	d4	d6
6		Nf3 Nc6
7	0-0	Bg4
8		e3 e5
9	d5	Na5
10		Qa4 b6
11	b3	Nd7
12		Bd2 Nb7
13	h3	Bf3
14		Bf3 Nbc5
15	Qa3	a5
16		e4 f5
17	Rf1	f4
18		Bg4 h5
19	Bd7	Qd7
20		fg
21	fg	Rf2
22		Kf2 Qh3
23	Rh1	Rf8
24		Bf4 Rf4
25	gf	Qc3
26		Rac1 Nd3
27	Ke2	Nf4
28		Kf2 Qd2
29	fg1	Qg2
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White

王逸成

黑方 Black

Gorid magrai

裁判 Arbiter

王



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 6

白方 White 王悠成 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

黑方 Black Goridmagvai 国籍 Federation _____ 等级分 Rating _____

组别 Group
U18

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	c4	Nf3
2	Nc3	g6
3	g3	Bg7
4	Bg2	oo
5	d4	db
6	Nf3	Ncb
7	oo	Bg4
8	e3	e5
9	d5	Nas
10	Qa4	bb
11	b3	Nd7
12	Bd2	Nb7
13	h3	Bt3
14	Bt3	Nb5
15	Qa3	a5
16	e4	f5
17	Rt1	f4
18	Bg4	h5
19	Bd7	Qd7
20	Kg2	fxg3
21	fxg3	Rf2
22	Kh2	Qh3
23	Rh1	Rf8
24	Bt4	Rt4
25	gxh4	Qc3
26	Ra1	Nb3
27	Ke2	Nt4
28	Kf2	Qd2
29	Kg1	Qg2
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>王悠成</u>	黑方 Black <u>Goridmagvai</u>
------------------------	--------------------------------

裁判 Arbiter
王

